

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	iii
CÁC BIỂU PHÂN TÍCH	viii
CÁC HÌNH PHÂN TÍCH	ix
BẢN ĐỒ VIỆT NAM	x
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP	1
1.1 Giới thiệu	1
1.2 Mục đích nghiên cứu và nội dung	1
1.3 Nguồn số liệu	2
1.4 Phương pháp ước lượng	2
1.5 Hạn chế	6
CHƯƠNG 2: MỨC SINH VÀ MÔ HÌNH SINH HIỆN TẠI	7
2.1 Các chỉ tiêu phản ánh mức sinh	7
2.2 Sự thay đổi mức sinh của Việt Nam thời kỳ 1999-2009	9
2.2.1 Sự thay đổi tổng tỷ suất sinh	9
2.2.2 Sự thay đổi tỷ suất tái sinh sản nguyên	10
2.2.3 Sự thay đổi tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi	11
2.2.4 Sự thay đổi tỷ suất sinh thô	14
2.2.5 Sự thay đổi tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên	16
2.3 Sự khác biệt mức sinh theo lãnh thổ	17
2.3.1 Sự khác biệt theo các vùng kinh tế - xã hội	17
2.3.2 Sự khác biệt theo tỉnh/thành phố	22
2.4 Sự khác biệt mức sinh theo các đặc trưng nhân khẩu học và kinh tế - xã hội của người mẹ	25
2.4.1 Sự khác biệt về mức sinh giữa các tôn giáo	25
2.4.2 Sự khác biệt về mức sinh theo dân tộc	26
2.4.3 Sự khác biệt về mức sinh theo trình độ học vấn	27
2.4.4 Sự khác biệt về mức sinh theo tình trạng hoạt động kinh tế	28

2.4.5 Sự khác biệt về mức sinh theo tình trạng di cư	29
CHƯƠNG 3: MỨC TỬ VONG	31
3.1 Chất lượng thông tin về tử vong	31
3.2 Sự thay đổi mức tử vong	32
3.2.1 Sự thay đổi tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi	32
3.2.2 Sự thay đổi tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi	33
3.2.3 Sự thay đổi tỷ suất chết đặc trưng theo tuổi	34
3.2.4 Sự thay đổi tỷ suất chết thô	36
3.2.5 Sự thay đổi tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	37
3.3 Sự khác biệt mức tử vong theo lãnh thổ	38
3.3.1 Sự khác biệt theo các vùng kinh tế - xã hội	38
3.3.2 Sự khác biệt theo tỉnh/thành phố	39
3.4 Sự khác biệt mức tử vong theo các đặc trưng nhân khẩu học và kinh tế - xã hội của người mẹ	44
3.4.1 Sự khác biệt về mức tử vong trẻ em theo tôn giáo của người mẹ	44
3.4.2 Sự khác biệt về mức tử vong trẻ em theo dân tộc của người mẹ	44
3.4.3 Sự khác biệt về mức tử vong trẻ em theo trình độ học vấn của người mẹ	45
3.4.4 Sự khác biệt về mức tử vong trẻ em theo nghề nghiệp của người mẹ	46
3.5 Nguyên nhân chết	47
3.6 Tử vong mẹ	49
CHƯƠNG 4: TÓM TẮT VÀ KHUYẾN NGHỊ	51
4.1 Tóm tắt các phát hiện	51
4.1.1 Về mức sinh	51
4.1.2 Về mức tử vong	51
4.2 Khuyến nghị	52

CÁC BIỂU TỔNG HỢP 55

Biểu 1: Một số chỉ tiêu về mức sinh chia theo đơn vị hành chính	57
Biểu 2: Số phụ nữ 15-49 tuổi, số trẻ em sinh trong 12 tháng trước điều tra (số đã điều chỉnh), tỷ suất sinh đặc trưng theo độ tuổi (ASFR) chia theo thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội, tỉnh/thành phố và một số đặc trưng cơ bản, 1/4/2009	60
Biểu 3: Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo tổng số con đã sinh, tuổi của người mẹ, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố, 1/4/2009	91
Biểu 4: Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo tổng số con hiện còn sống, tuổi của người mẹ, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố, 1/4/2009	109
Biểu 5: Số trẻ sinh trong 12 tháng trước điều tra chia theo giới tính của trẻ, thành thị/nông thôn, tuổi của người mẹ, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố, 1/4/2009	127
Biểu 6: Một số chỉ tiêu về mức tử vong chia theo đơn vị hành chính	145
Biểu 7: Bảng sống chia theo giới tính, thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội và tỉnh/thành phố, 1/4/2009	148

PHỤ LỤC 221

Phụ lục 1: Phân bố phạm vi điều tra mẫu chi tiết chia theo thành thị/nông thôn, các vùng kinh tế - xã hội, tỉnh/thành phố và các quận/huyện	223
Phụ lục 2: Các khái niệm và định nghĩa của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009	246
Phụ lục 3: Phiếu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009	251
Phụ lục 4: Các ấn phẩm và sản phẩm điện tử dùng cho cung cấp kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009	263

CÁC BIỂU PHÂN TÍCH

Biểu 2.1: Tổng tỷ suất sinh (TFR), 1999-2009	10
Biểu 2.2: Tỷ trọng dân số nữ và tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi, 1999 và 2009	12
Biểu 2.3: Tỷ suất sinh thô, 1999-2009	15
Biểu 2.4: CBR năm 1999 và 2009 chuẩn hóa theo cơ cấu tuổi của phụ nữ 15-49 tuổi năm 2009	16
Biểu 2.5: Tỷ lệ phụ nữ 15-49 tuổi sinh con thứ 3 trở lên chia theo thành thị/nông thôn, 2001-2009	17
Biểu 2.6: TFR chia theo vùng kinh tế - xã hội, 2009	18
Biểu 2.7: Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá thực tế và tỷ lệ hộ nghèo của năm 2008 chia theo các vùng kinh tế - xã hội, 2009	19
Biểu 2.8: Tỷ trọng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và trong độ tuổi có tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi cao trong tổng dân số chia theo các vùng kinh tế - xã hội, 2009	21
Biểu 2.9: TFR, CBR chưa chuẩn hóa năm 2009 và CBR chuẩn hóa theo cơ cấu tuổi của dân số toàn quốc năm 2009 chia theo các vùng kinh tế - xã hội	22
Biểu 2.10: Tổng tỷ suất sinh của các tôn giáo, thành thị/nông thôn, 2009	25
Biểu 2.11: Tổng tỷ suất sinh chia theo dân tộc, 1989, 1999 và 2009	26
Biểu 2.12: Tổng tỷ suất sinh theo tình trạng hoạt động kinh tế và thành thị/nông thôn, 2009	29
Biểu 2.13: Tổng tỷ suất sinh chia theo tình trạng di cư và thành thị/nông thôn, 2009	30
Biểu 3.1: Tỷ suất chết của trẻ em dưới một tuổi chia theo thành thị/nông thôn, 1989-2009	33
Biểu 3.2: Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh chia theo giới tính, 1989-2009	37
Biểu 3.3: Một số chỉ tiêu về mức tử vong chia theo các vùng kinh tế - xã hội, 2009	39
Biểu 3.4: Một số chỉ tiêu về mức tử vong chia theo tôn giáo, 2009	44
Biểu 3.5: Một số chỉ tiêu về mức tử vong chia theo dân tộc, 2009	45
Biểu 3.6: Ước tính tỷ suất chết mẹ, nguy cơ tử vong mẹ chia theo các khu vực của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), 2008	50

CÁC HÌNH PHÂN TÍCH

Hình 2.1: Tỷ suất tái sinh sản nguyên, 1999-2009	11
Hình 2.2: Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi (ASFR), 1999 và 2009	13
Hình 2.3: Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi chia theo thành thị và nông thôn, 1999 và 2009	14
Hình 2.4: Tỷ lệ phụ nữ 15-49 tuổi sinh con thứ ba trở lên chia theo trình độ học vấn, 2009	17
Hình 2.5: Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi chia theo vùng kinh tế - xã hội, 2009	20
Hình 2.6: TFR và CBR chia theo vùng kinh tế - xã hội, 2009	21
Hình 2.7: TFR chia theo trình độ học vấn và thành thị/nông thôn, 2009	28
Hình 3.1a: Tỷ suất chết đặc trưng theo tuổi của Việt Nam, 1989-2009 (nam)	35
Hình 3.1b: Tỷ suất chết đặc trưng theo tuổi của Việt Nam, 1989-2009 (nữ)	35
Hình 3.2: Tỷ suất chết thô, 1960-2009	36
Hình 3.3: Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh của một số nước ASEAN, 1989-2009	38
Hình 3.4: Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi và tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi chia theo trình độ học vấn của người mẹ, 2009	46
Hình 3.5: Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi và tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi chia theo nghề nghiệp và khu vực kinh tế của người mẹ, 2009	47
Hình 3.6: Tỷ suất chết do bệnh tật chia theo giới tính và vùng kinh tế - xã hội, 2009	48
Hình 3.7: Tỷ suất chết do tai nạn giao thông chia theo giới tính và vùng kinh tế - xã hội, 2009	49
Bản đồ 2.1: TFR và thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh/thành phố	24
Bản đồ 3.1: CDR của các tỉnh/thành phố, 2009	41
Bản đồ 3.2: IMR của các tỉnh/thành phố, 2009	42
Bản đồ 3.3: Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh của các tỉnh/thành phố, 2009	43